

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và ông Hoàng Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/ QĐ-ST ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1983;

Địa chỉ: T11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số chứng thực 12421 ngày 03/12/2019; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

2. Bị đơn: Bà Cao Thị R; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 10/4/2018 bà Nguyễn Thị T cho bà Cao Thị R vay số tiền là 30.000.000 đồng, hạn trả vào cuối năm nhưng đến hạn không trả, mặc dù đã đòi nhiều lần. Tuy nhiên, do trong giấy vay không thể hiện thời hạn trả nợ nên để có căn cứ khởi kiện bà T

đã làm thông báo ngày 10/11/2019 gửi cho bà R về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng bà R không thực hiện. Vì vậy, bà T đã khởi kiện theo quy định. Nguồn gốc số nợ là bà R lấy bằng tiền mặt 30.000.000 đồng không phải Tiêu như bà R trình bày. Tại thời điểm bà T đòi nợ thì giá Tiêu là 40.000.000 đồng/ 01 tấn, bà R có ý kiến là khi lấy tiền tương đương là 500kg Tiêu (05 tạ). Vì vậy, bà R chỉ trả bà T là 20.000.000 đồng; bà T không đồng ý. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị R phải trả cho bà T là 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 4.888.700 đồng. Nay bà R đồng ý trả cho bà T 20.000.000 đồng thì bà T đồng ý. Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 4.888.700 đồng. Do các đương sự không thống nhất được việc trả nợ, bà R không hợp tác trong quá trình hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập các thủ tục tố tụng có sự chứng kiến của người đại diện cho bà T, đại diện Tòa án để có căn cứ giải quyết vụ án.

Trong bản tự khai, quá trình lấy lời khai và chứng cứ khác bị đơn bà Cao Thị R trình bày: Bà R đồng ý có nợ bà T 30.000.000 đồng như bà T ghi trong giấy nợ nhưng thời điểm đó là tiêu 60.000 đồng/ 01 kg. Vì vậy, số tiền bà R mượn bà T là tương đương 500kg Tiêu. Tại thời điểm bà T đòi nợ thì giá tiêu là 40.000 đồng/ 01 kg nên bà R chỉ đồng ý trả cho bà T 20.000.000 đồng. Nay theo giấy nhận nợ bà T yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng thì bà R không đồng ý. Bà R yêu cầu bà T có mặt để giải quyết.

Tòa án đã yêu cầu bà T có mặt để giải quyết nhưng bà T không có mặt tại địa phương và đã có thủ tục ủy quyền cho chị N. Vì vậy, Tòa án lập các thủ tục theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp cho Tòa án 01 giấy vay tiền ngày 10/4/2018 (bản gốc). Quá trình làm việc bên bị đơn thừa nhận nợ. Tuy nhiên, không đồng ý trả cho bà T. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 467, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, HĐXX tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử 01 phần đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 4.888.700 đồng mà nguyên đơn đã rút.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T;

Buộc bà Cao Thị R phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Các vấn đề khác: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khác phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Cao Thị R trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bà R hiện đang cư trú tại: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS. Tuy nhiên, bà Cao Thị R vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10/4/2018, thời hạn thông báo trả nợ vào ngày 07/11/2019. Kể từ thời điểm bà R vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến

thời điểm bà T khởi kiện ngày 03/12/2019 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Xét nội dung tranh chấp: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10/4/2018 bà R vay của bà T số tiền gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà R chỉ đồng ý trả cho bà T 20.000.000 đồng, bà T đồng ý. Quá trình giải quyết cũng như trình bày tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất 4.888.700 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Căn cứ vào chứng cứ cung cấp, lời trình bày của các đương sự, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 466 BLDS về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên chấp nhận.

Tại Điều 463 BLDS quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Từ phân tích trên HĐXX xét thấy cần buộc bà Cao Thị R phải trả cho bà T số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Bà Cao Thị R phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về yêu cầu lãi suất: Nguyên đơn rút đối với yêu cầu này nên không đề cập giải quyết. Xét việc rút là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Cao Thị R phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 1.000.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 872.000 đồng theo biên lai số 0002358 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 467, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử 01 phần đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 4.888.700 đồng bà Nguyễn Thị T đã rút.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T;

Buộc bà Cao Thị R phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Cao Thị R phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 872.000 đồng theo biên lai số 0002358 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký và đóng dấu*)

Hoàng Thị Thu Hà

